

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦY NGUYÊN**

**DANH SÁCH**

**Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức giáo viên mầm non**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND huyện Thủy Nguyên)

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số	
<b>Bổ nhiệm vào CDNN GVMN hạng III (V.07.02.26) đối với GVMN hạng IV (V.07.02.06) đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của GVMN hạng III (V.07.02.26)</b>																			
1	MN An Lư	1	Nguyễn Thị Thúy	6/5/1990	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	28/10/2020 12/06/2017	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
2	MN An Lư	2	Bùi Thị Kim Ngân	9/2/1993	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	09/01/2018 25/03/2014	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
3	MN An Lư	3	Đào Thị Thắm	11/18/1994	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	16/07/2019 09/02/2015	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	9/1/2023
4	MN An Lư	4	Trần Thị Hồng Ngát	5/12/1996	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	28/10/2020 03/06/2016	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
5	MN An Lư	5	Lại Thị Giang	7/30/1991	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	25/07/2016 06/06/2012	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	7	3.06	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.28	Từ ngày ký quyết định
6	MN An Lư	6	Lê Thị Lý	6/17/1992	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	16/07/2019 29/03/2013	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	7/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	7/1/2023
7	MN An Lư	7	Vũ Thị Hồng Vinh	11/10/1979	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	28/10/2020 25/04/2014	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	3/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	3/1/2024
8	MN An Lư	8	Nguyễn Thị Tuyết	4/17/1989	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	28/10/2020 26/6/2015	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
9	MN An Lư	9	Nguyễn Thị Thềm	12/28/1992	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	29/12/2017 23/07/2013	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	8/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	8/1/2022
10	MN An Lư	10	Nguyễn Thị Kim Chi	2/18/1982	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	28/10/2020 12/06/2018	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	12/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	12/1/2022

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức năng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức năng lương lần sau
11	MN An Sơn	1	Lê Thị Kiêm	11/20/1974	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	27/8/2010 9/01/2018	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	12+ VK 7%	4.34	10/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	9	4.58	0.24	Từ ngày ký quyết định	
12	MN An Sơn	2	Thân Thị Lụa	3/20/1973	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	19/04/2017 10/10/2022	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
13	MN An Sơn	3	Thân Thị Minh Ngọc	12/2/1991	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	25/12/2015 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	1/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	1/1/2024	
14	MN An Sơn	4	Vũ Thị Ngọc Anh	7/5/1995	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	20/07/2015 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
15	MN An Sơn	5	Phạm Thị Nhiên	3/25/1996	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	03/06/2016 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	12/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
16	MN An Sơn	6	Trương Thị Lương	11/17/1995	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	20/7/2015 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	12/1/2023	
17	MN An Sơn	7	Trương Thị Oanh	1/24/1972	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	19/04/2017 10/10/2022	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
18	MN An Sơn	8	Lê Thị Tuyết	4/19/1996	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	03/06/2016 7/1/2019	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	8/1/2023	
19	MN An Sơn	9	Nguyễn Thị Loan	2/6/1997	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	13/8/2018 10/10/2022	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	8/1/2023	
20	MN Cao Nhân	1	Nguyễn Thị Thuý Huyền	8/15/1984	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	06/06/2012 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	1/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	1/1/2024	
21	MN Cao Nhân	2	Bùi Thị Quyên	5/23/1991	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	25/02/2014 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
22	MN Cao Nhân	3	Bùi Thị Lương	4/8/1990	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	29/06/2017 10/06/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
23	MN Cao Nhân	4	Bùi Thị Duyên	8/1/1994	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	09/02/2015 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	2/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	2/1/2024	

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức năng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số	
24	MN Cao Nhân	5	Hoàng Thị Huyền	5/6/1992	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	26/06/2015 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
25	MN Cao Nhân	6	Phạm Thị Hậu	9/17/1993	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	10/11/2016 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	6/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
26	MN Cao Nhân	7	Bùi Thị Mượt	4/16/1995	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	12/06/2018 10/10/2022	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	8/1/2023
27	MN Cao Nhân	8	Bùi Thị Mỹ Hạnh	9/14/1991	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	03/04/2015 10/10/2022	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	8/1/2023
28	MN Cao Nhân	9	Trần Thị An	11/15/1990	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	20/10/2014 10/10/2022	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	7/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
29	MN Chính Mỹ	1	Ngô Thị Nga	2/16/1982	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	25/07/2016 01/09/2011	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	7	3.06	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.28	Từ ngày ký quyết định
30	MN Chính Mỹ	2	Ngô Thị Xuân	9/1/1991	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	10/06/2020 03/06/2016	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	10/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
31	MN Chính Mỹ	3	Vũ Thị Hòa	2/28/1992	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	09/01/2018 20/10/2014	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	1/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	1/1/2024
32	MN Chính Mỹ	4	Trần Thị Nương	9/30/1993	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	10/10/2022 09/02/2015	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	10/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
33	MN Chính Mỹ	5	Hoàng Thị Nga	6/10/1990	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	22/12/2021 26/06/2015	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
34	MN Đông Sơn	1	Tạ Thị Hiến	10/17/1981	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	29/03/2013 28/10/2020	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	4/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	4/1/2023
35	MN Đông Sơn	2	Tạ Thu Nga	2/14/1995	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	26/06/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	4/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	4/1/2024
36	MN Đông Sơn	3	Nguyễn Thị Hòa	12/18/1984	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	29/03/2013 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	7/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	7/1/2022

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức năng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức năng lương lần sau
37	MN Đông Sơn	4	Lê Thị Ngọc Lan	9/3/1997	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	12/06/2017 28/10/2020	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	8/1/2023	
38	MN Đông Sơn	5	Nguyễn Thị Mai	12/22/1993	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	15/05/2018 28/10/2020	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	2/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	2/1/2023	
39	MN Đông Sơn	6	Phạm Thị Thủy	7/26/1993	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	15/05/2018 28/10/2020	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	2/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	2/1/2023	
40	MN Dương Quan	1	Đình Thị Giang	12/28/1985	Giáo viên	ĐH SPMN; TC SPMN	25/07/2016 28/10/2010	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	7	3.06	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.28	Từ ngày ký quyết định	
41	MN Dương Quan	2	Nguyễn Thị Hào	12/14/1994	Giáo viên	ĐH SPMN; TC SPMN	07/01/2019 25/05/2015	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	11/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
42	MN Dương Quan	3	Nguyễn Thị Dịu	4/3/1985	Giáo viên	ĐH SPMN; TC SPMN	25/07/2017 20/10/2014	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	5/1/2024	
43	MN Dương Quan	4	Lê Thị Huyền	4/6/1986	Giáo viên	ĐH SPMN; TC SPMN	28/10/2020 12/06/2017	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	8/1/2023	
44	MN Dương Quan	5	Trần Thị Lương	5/17/1984	Giáo viên	ĐH SPMN; TC SPMN	10/10/2022 28/07/2016	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	8/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
45	MN Dương Quan	6	Bùi Thị Hà	3/4/1989	Giáo viên	ĐH SPMN; TC SPMN	10/10/2022 01/12/2017	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	8/1/2023	
46	MN Gia Đức	1	Nguyễn Thị Hương	3/7/1983	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	6/6/2012; 20/6/2016	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	7	3.06	6/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.28	Từ ngày ký quyết định	
47	MN Gia Đức	2	Nguyễn Thị Huyền	2/10/1985	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	6/6/2012; 20/6/2016	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	7/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	7/1/2022	
48	MN Gia Đức	3	Nguyễn Thị Phượng	8/9/1991	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	1/8/2011; 20/6/2016	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	7/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	7/1/2022	

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức năng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức năng lương lần sau
49	MN Gia Đức	4	Đàm Thị Thu	1/5/1981	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	25/4/2014; 16/7/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	10/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	10/1/2023	
50	MN Gia Đức	5	Dương Thị Liên	11/19/1982	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	12/6/2017; 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
51	MN Gia Đức	6	Nguyễn Thị Mai	8/27/1989	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	10/10/2014; 29/8/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	10/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
52	MN Gia Đức	7	Bùi Thị Huyền Trang	4/28/1994	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	26/6/2015; 28/10/2020	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	1/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	1/1/2024	
53	MN Gia Đức	8	Vũ Thị Loan	10/10/1993	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	25/3/2014; 10/10/2022	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	10/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
54	MN Gia Minh	1	Đào Thị Thom	10/12/1983	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	03/06/2016 09/1/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
55	MN Gia Minh	2	Vũ Thị Tài	2/2/1993	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	03/06/2016 09/1/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
56	MN Gia Minh	3	Vũ Thị Thúy	1/2/1981	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	30/08/2007 07/1/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	8/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
57	MN Gia Minh	4	Lê Thị Chuyên	4/30/1994	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	12/06/2017 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
58	MN Gia Minh	5	Nguyễn Thị Lan	1/12/1988	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	12/06/2017 28/10/2020	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	6/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
59	MN Gia Minh	6	Vũ Thị Hương	4/9/1992	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	12/06/2017 28/10/2020	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	7/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	7/1/2022	
60	MN Hoà Bình	1	Nguyễn Thị Lan	1/19/1979	Giáo viên	TC SP MN ĐHSPMN	30/08/2007 20/06/2016	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	10	3.66	3/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3.96	0.30	Từ ngày ký quyết định	
61	MN Hoà Bình	2	Phạm Thị Hằng	4/23/1981	Giáo viên	TC SP MN ĐHSPMN	27/08/2010 28/06/2016	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	8	3.26	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.08	6/1/2023	

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG				CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức năng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới		Chênh lệch hệ số
62	MN Hoà Bình	3	Phạm Thị Nhất	6/14/1991	Giáo viên	TC SP MN ĐHSPMN	06/06/2012 20/06/2016	26/08/2016 (HQĐĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	7	3.06	6/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.28	Từ ngày ký quyết định
63	MN Hoà Bình	4	Nguyễn Thị Tốt	10/25/1982	Giáo viên	TC SP MN ĐHSPMN	22/03/2013 09/03/2017	26/08/2016 (HQĐĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	4/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	4/1/2023
64	MN Hoà Bình	5	Phạm Thị Hương	4/4/1988	Giáo viên	TC SP MN ĐHSPMN	20/10/2014 09/03/2017	26/08/2016 (HQĐĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	11/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	12/1/2022
65	MN Hoà Bình	6	Vương Thị Thu Hà	11/12/1991	Giáo viên	TC SP MN ĐHSPMN	25/05/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	6/1/2023
66	MN Hoà Bình	7	Võ Thị Minh Thư	4/7/1985	Giáo viên	TC SP MN ĐHSPMN	26/06/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	4/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	4/1/2023
67	MN Hoà Bình	8	Bùi Thị Minh Hằng	7/26/1994	Giáo viên	TC SP MN ĐHSPMN	09/02/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	2/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	2/1/2023
68	MN Hoà Bình	9	Vũ Như Quỳnh	10/1/1990	Giáo viên	TC SP MN ĐHSPMN	26/06/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	3/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	3/1/2024
69	MN Hoà Bình	10	Nguyễn Thị Khuyên	6/26/1976	Giáo viên	TC SP MN ĐHSPMN	20/01/1999 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	6/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	6/1/2024
70	MN Hoà Bình	11	Hoàng Thị Phụng	4/13/1976	Giáo viên	TC SP MN ĐHSPMN	03/06/2016 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
71	MN Hoà Bình	12	Đoàn Thị Nhung	1/3/1991	Giáo viên	TC SP MN ĐHSPMN	03/06/2016 10/10/2022	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
72	MN Hoà Bình	13	Vũ Thị Hiền	7/25/1986	Giáo viên	TC SP MN ĐHSPMN	28/07/2016 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	10/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
73	MN Hoà Bình	14	Bùi Thị Nhã Phương	10/23/1989	Giáo viên	TC SP MN ĐHSPMN	20/10/2014 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	11/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	11/1/2022
74	MN Hoa Động	1	Đồng Thị Thành	2/10/1994	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	10/10/2014 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	2/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	2/1/2024

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG				CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI						Ghi chú	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức năng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức năng lương lần sau
75	MN Hoa Động	2	Trần Thị Uyên	7/18/1985	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	11/06/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	12/1/2023	
76	MN Hoa Động	3	Hoàng Thị Nhi	2/18/1990	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	25/04/2014 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	12/1/2023	
77	MN Hoa Động	4	Đồng Thị Thu Hiền	5/16/1996	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	03/06/2016 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
78	MN Hoa Động	5	Phạm Thị Thu Trang	1/27/1983	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	25/03/2014 16/07/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	4/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	4/1/2024	
79	MN Hoa Động	6	Nguyễn Thị Thủy Hường	6/13/1979	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	09/02/2015 12/07/2022	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	2/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	2/1/2023	
80	MN Hoa Động	7	Nguyễn Thị Minh Châu	9/18/1978	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	29/03/2013 12/07/2022	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	4/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	4/1/2023	
81	MN Hoa Động	8	Nguyễn Thị Ninh	1/2/1987	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	12/06/2017 12/07/2022	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	7/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	7/1/2022	
82	MN Hoàng Động	1	Nguyễn Thị Huệ	4/16/1969	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	30/12/2014 03/09/2002	26/08/2016 (HQĐĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	11	3.86	10/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3.96	0.10	10/1/2022	
83	MN Hoàng Động	2	Trần Thị Oanh	9/2/1968	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	25/07/2016 26/02/2004	26/08/2016 (HQĐĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	11	3.86	3/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3.96	0.10	3/1/2024	
84	MN Hoàng Động	3	Bùi Thị Nghi	6/22/1981	Giáo viên	TC SPMN ĐH GDMN	30/08/2007 30/12/2014	26/08/2016 (HQĐĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	9	3.46	12/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3.65	0.19	12/1/2022	
85	MN Hoàng Động	4	Bùi Thị Nhân	11/11/1984	Giáo viên	TC SPMN ĐH GDMN	30/08/2007 30/12/2014	26/08/2016 (HQĐĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	9	3.46	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3.65	0.19	9/1/2023	
86	MN Hoàng Động	5	Nguyễn Thị Thu Hằng	12/16/1982	Giáo viên	TC SPMN ĐH GDMN	27/08/2010 10/10/2022	26/08/2016 (HQĐĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	8	3.26	3/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.08	3/1/2024	

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức năng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức năng lương lần sau
87	MN Hoàng Động	6	Nguyễn Thị Bạch Cúc	1/30/1987	Giáo viên	TC SPMN ĐH GDMN	10/09/2013 25/07/2016	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	9/1/2023	
88	MN Hoàng Động	7	Đỗ Thị Mai	12/2/1982	Giáo viên	TC SPMN ĐH GDMN	25/04/2014 10/10/2022	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	8/1/2023	
89	MN Hoàng Động	8	Phùng Thị Yến	8/31/1980	Giáo viên	TC SPMN ĐH GDMN	25/04/2014 10/10/2022	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	5/1/2024	
90	MN Hoàng Động	9	Hoàng Thị Thu Huyền	8/17/1996	Giáo viên	TC SPMN ĐH GDMN	12/06/2017 10/10/2022	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
91	MN Hoàng Động	10	Đồng Thị Hiền	12/28/1996	Giáo viên	TC SPMN ĐH GDMN	03/06/2016 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
92	MN Hoàng Động	11	Vũ Thị Thoa	2/3/1984	Giáo viên	TC SPMN ĐH GDMN	12/07/2016 10/10/2022	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	7/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
93	MN Hoàng Động	12	Nguyễn Thị Nhung	2/6/1984	Giáo viên	TC SPMN ĐH GDMN	25/05/2015 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	9/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	9/1/2022	
94	MN Hoàng Động	13	Bùi Thị Ngọc Hà	4/1/1993	Giáo viên	TC SPMN ĐH GDMN	03/06/2016 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	12/1/2023	
95	MN Hoàng Động	14	Phạm Thị Hương	12/31/1998	Giáo viên	TC SPMN ĐH GDMN	13/08/2018 10/10/2022	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	8/1/2023	
96	MN Hợp Thành	1	Nguyễn Thị Hương	11/16/1968	Giáo viên	TC SPMN ĐH GDMN	15/07/2013 03/09/2002	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	12	4.06	3/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4.27	0.21	Từ ngày ký quyết định	
97	MN Hợp Thành	2	Bùi Thị Thúy Lan	11/16/1989	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	09/03/2017 01/08/2011	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	7	3.06	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.28	Từ ngày ký quyết định	

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG				CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú		
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức năng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới		Chênh lệch hệ số	Mức năng lương lần sau
98	MN Hợp Thành	3	Phạm Thị Nhện	8/30/1978	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	10/10/2022 29/03/2013	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	4/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	4/1/2023	
99	MN Hợp Thành	4	Bùi Thị Kim Tuyên	3/12/1973	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	10/10/2022 29/03/2013	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	4/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	4/1/2023	
100	MN Hợp Thành	5	Bùi Thị Đào Lâm	10/30/1983	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	09/01/2018 26/06/2015	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	12/1/2023	
101	MN Hợp Thành	6	Nguyễn Thị Xuân	7/17/1991	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	25/07/2017 25/04/2015	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	11/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
102	MN Hợp Thành	7	Nguyễn Thị Nhung	7/24/1994	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	09/01/2018 19/06/2015	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	11/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
103	MN Hợp Thành	8	Nguyễn Thị Hằng	9/2/1984	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	28/10/2020 12/06/2017	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
104	MN Hợp Thành	9	Nguyễn Thị Liên	12/10/1983	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	28/10/2020 12/06/2017	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
105	MN Hợp Thành	10	Võ Thị Hoàn	2/12/1986	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	10/10/2022 13/08/2018	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	8/1/2023	
106	MN Hợp Thành	11	Lê Thị Thanh Hòa	11/17/1992	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	10/10/2022 12/06/2018	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	11/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	11/1/2023	
107	MN Hợp Thành	12	Doãn Thị Nga	4/20/1994	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	28/10/2020 12/06/2017	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
108	MN Kênh Giang	1	Hoàng Thị Thu Huyền	7/15/1990	Giáo viên	TC, ĐH SPMN	02/04/2017 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	10/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	10/1/2022	
109	MN Kênh Giang	2	Cù Thị Thanh Huyền	3/17/1981	Giáo viên	TC, ĐH SPMN	08/04/2013 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	10/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	10/1/2022	
110	MN Kênh Giang	3	Đặng Thị Thơm	2/4/1994	Giáo viên	TC, ĐH SPMN	25/04/2015 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	3/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	3/1/2024	

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số	
111	MN Kênh Giang	4	Phạm Thị Hương	6/23/1993	Giáo viên	TC, ĐH SPMN	12/06/2017 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
112	MN Kênh Giang	5	Vũ Mai Phương	12/5/1995	Giáo viên	TC, ĐH SPMN	26/06/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	4/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	4/1/2024
113	MN Kênh Giang	6	Nguyễn Thị Phương	9/4/1997	Giáo viên	TC, ĐH SPMN	12/06/2017 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
114	MN Kênh Giang	7	Đông Thị Huyền	2/10/1985	Giáo viên	TC, ĐH SPMN	20/01/2008 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	10/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
115	MN Kênh Giang	8	Hoàng Thị Xuân	10/21/1994	Giáo viên	TC, ĐH SPMN	20/04/2016 28/10/2020	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	8/1/2023
116	MN Kênh Giang	9	Tạ Tố Uyên	8/9/1995	Giáo viên	TC, ĐH SPMN	15/05/2018 28/10/2020	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	8/1/2023
117	MN Kênh Giang	10	Lương Thị Hà	6/26/1986	Giáo viên	TC, ĐH SPMN	12/06/2018 10/10/2022	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	8/1/2023
118	MN Kênh Giang	11	Nguyễn Thị Minh	5/12/1991	Giáo viên	TC, ĐH SPMN	20/10/2014 07/01/2019	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
119	MN Kênh Giang	12	Nguyễn Thị Thanh Duyên	2/13/1990	Giáo viên	TC, ĐH SPMN	12/06/2018 10/10/2022	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	12/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	12/1/2022
120	MN Kênh Giang	13	Bùi Thị Quỳnh	10/1/1989	Giáo viên	TC, ĐH SPMN	30/09/2016 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
121	MN Kiên Bái	1	Nguyễn Thị Trang	1/25/1994	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	25/07/2017 10/10/2014	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	5/1/2024
122	MN Kiên Bái	2	Lê Thị Bích Hạnh	5/30/1985	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	25/07/2017 20/10/2014	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	6/1/2023
123	MN Kiên Bái	3	Nguyễn Thị Huệ	12/2/1986	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	28/10/2020 25/04/2014	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	5/1/2024

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức năng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số	
124	MN Kiên Bái	4	Đào Thị Hải	9/30/1984	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	07/01/2019 10/11/2016	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
125	MN Kiên Bái	5	Phạm Thị Lan Hương	1/21/1994	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	28/10/2020 12/06/2017	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
126	MN Kiên Bái	7	Nguyễn Thị Nga	2/5/1987	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	09/01/2018 20/04/2016	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	11/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	11/1/2023
127	MN Kiên Bái	8	Hoàng Thị Tâm	4/23/1988	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	07/01/2019 20/10/2014	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	5/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	5/1/2023
128	MN Kiên Bái	9	Hà Thị Yến	9/17/1983	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	28/10/2020 03/06/2016	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
129	MN Kỳ Sơn	1	Nguyễn Thị Hương	3/27/1990	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	09/02/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
130	MN Kỳ Sơn	2	Bùi Thị Thu	6/17/1986	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	12/06/2017 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
131	MN Kỳ Sơn	3	Nguyễn Thị Hồng	1/6/1993	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	03/6/2016 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	10/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
132	MN Kỳ Sơn	4	Đỗ Thị Trang	11/16/1987	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	25/4/2015 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	5/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	5/1/2023
133	MN Kỳ Sơn	5	Đặng Thị Nhân	10/4/1989	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	26/6/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
134	MN Kỳ Sơn	6	Ngô Thị Nhân	12/18/1993	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	26/6/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
135	MN Kỳ Sơn	7	Bùi Thị Hà Phương	8/30/1988	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	26/6/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	7/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
136	MN Kỳ Sơn	8	Lại Thị Liên	1/31/1991	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	19/6/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
137	MN Kỳ Sơn	9	Đỗ Thị Nghĩa	5/26/1987	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	03/6/2016 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức năng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số	
138	MN Kỳ Sơn	10	Nguyễn Thị Thu Vân	8/16/1988	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	25/4/2014 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
139	MN Kỳ Sơn	11	Đỗ Thị Thủy	10/6/1990	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	26/6/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
140	MN Kỳ Sơn	12	Nguyễn Thị Huệ	6/10/1988	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	15/5/2018 28/10/2020	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	8/1/2023
141	MN Kỳ Sơn	13	Nguyễn Thị Hiền	12/15/1988	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	23/7/2013 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	9/1/2023
142	MN Kỳ Sơn	14	Đỗ Thị Thu Dung	10/22/1990	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	01/08/2011 09/03/2017	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	7	3.06	11/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.28	Từ ngày ký quyết định
143	MN Lại Xuân	1	Nguyễn Thị Hồng Minh	5/28/1996	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	12/06/2017 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
144	MN Lại Xuân	2	Lê Thị Kim Tuyến	9/22/1994	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	25/5/2015 07/1/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
145	MN Lại Xuân	3	Nguyễn Thùy Linh	1/23/1996	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	03/6/2016 07/1/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	12/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
146	MN Lại Xuân	4	Vũ Thị Hào	10/15/1997	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	29/6/2017 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
147	MN Lại Xuân	5	Trần Kim Thúy	9/11/1996	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	03/6/2016 07/1/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
148	MN Lại Xuân	6	Bùi Thị Hương	2/2/1993	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	27/8/2014 07/1/2019	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	6/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	6/1/2024
149	MN Lại Xuân	7	Phạm Ngọc Huyền	4/13/1991	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	25/4/2014 09/3/2017	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	5/1/2024
150	MN Lại Xuân	8	Nguyễn Thị Nhiều	3/5/1981	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	22/10/2002 10/10/2022	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	11	3.86	2/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3.96	0.10	2/1/2023

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyên dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức năng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số	
151	MN Lại Xuân	9	Đỗ Thị Hoa Phượng	12/22/1983	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	26/6/2015 10/10/2022	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	11/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
152	MN Lại Xuân	10	Nguyễn Thị Thu Nguyễn	8/29/1982	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	26/6/2015 10/10/2022	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	7/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	7/1/2023
153	MN Lại Xuân	11	Hoàng Thị Luyên	4/17/1981	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	19/4/2017 10/10/2022	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	8/1/2023
154	MN Lại Xuân	12	Hoàng Thị Thu	1/27/1987	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	19/4/2017 10/10/2022	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	8/1/2023
155	MN Lâm Động	1	Đỗ Thị Hà	1/18/1985	Giáo viên	TC SPMN ĐH SP MN	25/04/2014 09/03/2017	26/08/2016 (HQĐ60 tuyên đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	11/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	11/1/2023
156	MN Lâm Động	2	Lê Thị Thu Hiền	8/10/1989	Giáo viên	TC SPMN ĐH SP MN	26/06/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
157	MN Lâm Động	3	Nguyễn Thúy Nga	3/5/1992	Giáo viên	TC SPMN ĐH SP MN	25/03/2014 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	10/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	10/1/2022
158	MN Lâm Động	4	Đồng Thị Loan	11/28/1988	Giáo viên	TC SPMN ĐH SP MN	21/04/2017 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	4/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
159	MN Lâm Động	5	Đỗ Thị Thanh	7/7/1974	Giáo viên	TC SPMN ĐH SP MN	20/10/2014 28/10/2020	26/08/2016 (HQĐ60 tuyên đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	11/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	11/1/2022
160	MN Lập Lễ	1	Phạm Thị Vân	10/23/1981	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	30/08/2007 04/12/2013	26/08/2016 (HQĐ60 tuyên đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	9	3.46	3/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3.65	0.19	3/1/2023
161	MN Lập Lễ	2	Đình Thị Vốn	12/20/1982	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	20/07/2005 04/12/2013	26/08/2016 (HQĐ60 tuyên đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	11	3.86	2/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3.96	0.10	2/1/2024
162	MN Lập Lễ	3	Bùi Thị Hoa	8/24/1980	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	20/07/2005 04/12/2013	26/08/2016 (HQĐ60 tuyên đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	10	3.66	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3.96	0.30	Từ ngày ký quyết định

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyên dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức năng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức năng lương lần sau
163	MN Lập Lễ	4	Nguyễn Thị Chuyên	2/5/1982	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	30/08/2007 30/12/2014	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	9	3.46	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3.65	0.19	9/1/2023	
164	MN Lập Lễ	5	Lê Thị Hạnh	11/14/1981	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	30/08/2007 04/12/2013	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	9	3.46	12/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3.65	0.19	12/1/2022	
165	MN Lập Lễ	6	Lê Thị Hồng Uyên	7/22/1983	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	27/08/2010 28/11/2016	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	8	3.26	3/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.08	3/1/2024	
166	MN Lập Lễ	7	Đinh Thị Ngoan	1/20/1984	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	27/08/2010 22/03/2017	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	7	3.06	9/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.28	Từ ngày ký quyết định	
167	MN Lập Lễ	8	Đinh Thị Tâm	2/1/1978	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	10/09/2013 25/07/2016	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	12/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	12/1/2022	
168	MN Lập Lễ	9	Lê Thị Hòa	5/18/1987	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	10/09/2013 25/07/2016	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	9/1/2023	
169	MN Lập Lễ	10	Đinh Thị Tứ	1/26/1985	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	10/09/2013 25/07/2016	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	9/1/2023	
170	MN Lập Lễ	11	Nguyễn Thị Thương	4/11/1982	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	10/09/2013 25/07/2016	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	7	3.06	6/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.28	Từ ngày ký quyết định	
171	MN Lập Lễ	12	Phạm Thị Cúc	8/24/1986	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	29/03/2013 25/07/2016	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	7	3.06	1/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.28	Từ ngày ký quyết định	

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG				CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú		
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức năng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới		Chênh lệch hệ số	Mức năng lương lần sau
172	MN Lập Lễ	13	Đình Thị Huệ	7/7/1981	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	06/06/2012 20/06/2016	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	7/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	7/1/2022	
173	MN Lập Lễ	14	Nguyễn Thị Trâm	5/12/1983	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	20/10/2014 07/01/2019	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	11/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	11/1/2022	
174	MN Lập Lễ	15	Vũ Thị Thủy	12/18/1988	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	20/10/2014 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
175	MN Lập Lễ	16	Nguyễn Thị Huyền	2/19/1985	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	12/06/2017 28/10/2020	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	7/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	7/1/2022	
176	MN Lập Lễ	17	Nguyễn Thị Thanh	2/2/1988	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	13/08/2018 28/10/2020	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	8/1/2023	
177	MN Lập Lễ	18	Phạm Thị Hồng	2/14/1991	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	15/02/2012 30/05/2016	5/10/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	9/1/2023	
178	MN Lập Lễ	19	Nguyễn Thị Hạnh	7/17/1994	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	04/08/2015 10/10/2022	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	2/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	2/1/2024	
179	MN Lập Lễ	20	Vũ Thị Phương Hào	9/1/1981	Giáo viên	TC SPMN CĐ SP MN	26/06/2015 03/01/2023	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	7/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	7/1/2023	
180	MN Lập Lễ	21	Phạm Thị Tâm	10/23/1985	Giáo viên	TC SPMN ĐH SP MN	27/08/2010 15/11/2023	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	7	3.06	12/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.28	Từ ngày ký quyết định	
181	MN Lập Lễ	22	Đình Thị Hạnh	3/21/1986	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	27/08/2010 15/11/2023	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	8	3.26	3/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.08	3/1/2024	
182	MN Liên Khê	1	Nguyễn Thị Hằng	7/18/1987	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	27/08/2010 25/07/2016	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	8	3.26	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.08	6/1/2023	

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức năng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức năng lương lần sau
183	MN Liên Khê	2	Nguyễn Thu Thủy	2/22/1985	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	10/09/2013 25/07/2016	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	9/1/2023	
184	MN Liên Khê	3	Hoàng Thị Hiền	9/26/1990	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	03/06/2016 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
185	MN Liên Khê	4	Nguyễn Thị Khuyến	4/3/1991	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	20/10/2014 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	3/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	3/1/2024	
186	MN Liên Khê	5	Phạm Thị Chuyên	2/2/1987	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	20/10/2014 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	3/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	3/1/2023	
187	MN Liên Khê	6	Vì Thị Biện	5/10/1990	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	20/01/2011 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	7	3.06	2/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.28	Từ ngày ký quyết định	
188	MN Liên Khê	7	Nguyễn Thị Thái	3/3/1988	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	26/06/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	7/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	7/1/2023	
189	MN Liên Khê	8	Lê Thị Hồng Hạnh	5/2/1990	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	19/04/2017 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	10/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
190	MN Liên Khê	9	Hoàng Thị Huyền	11/2/1988	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	19/04/2017 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	10/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
191	MN Liên Khê	10	Phùng Thị Duyên	11/6/1991	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	26/06/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	2/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	2/1/2024	
192	MN Liên Khê	11	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	11/12/1993	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	23/07/2013 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	9/1/2023	
193	MN Liên Khê	12	Đoàn Thị Hường	6/27/1987	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	12/06/2017 28/10/2020	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	7/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	7/1/2022	
194	MN Liên Khê	13	Vũ Thị Thu	3/1/1992	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	20/06/2016 28/10/2020	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
195	MN Liên Khê	14	Phạm Thị Huyền	6/4/1994	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	26/06/2015 07/01/2019	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	4/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức nâng lương lần sau
196	MN Liên Khê	15	Vũ Thị Nền	8/28/1990	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	25/05/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	10/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	10/1/2023	
197	MN Liên Khê	16	Đình Thị Thơ	1/6/1988	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	12/06/2017 10/10/2022	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	8/1/2023	
198	MN Liên Khê	17	Nguyễn Thị Sang	6/11/1993	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	13/08/2018 10/10/2022	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	2/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	2/1/2023	
199	MN Lưu Kiếm	1	Vũ Thị Ngà	2/21/1991	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	1/8/2011 28/10/2020	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	7/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	7/1/2022	
200	MN Lưu Kiếm	2	Bùi Thị Thanh	3/12/1989	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	3/6/2016 9/1/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	5/1/2024	
201	MN Lưu Kiếm	3	Ứng Thị Ngọc	11/9/1984	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	26/6/2015 9/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	11/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	11/1/2023	
202	MN Lưu Kiếm	4	Cù Thị Lan Anh	12/13/1992	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	25/4/2014 7/1/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
203	MN Lưu Kiếm	5	Đặng Thị Kim Yến	11/19/1993	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	28/6/2013 9/1/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	2/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
204	MN Lưu Kiếm	6	Vũ Thu Huyền	1/10/1993	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	3/6/2016 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
205	MN Lưu Kiếm	8	Vũ Thị Xuân	11/18/1986	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	15/12/2017 28/10/2020	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	6/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
206	MN Lưu Kiếm	9	Đình Thị Thảo	2/21/1991	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	23/09/2011 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	5/1/2024	
207	MN Lưu Kiếm	10	Lê Thị Liễu	7/16/1989	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	26/06/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	1/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	1/1/2024	
208	MN Lưu Kiếm	11	Lê Thị Lân	7/24/1991	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	28/10/2020 09/02/2015	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức năng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức năng lương lần sau
209	MN Lưu Ký	1	Nguyễn Thị Thường	7/21/1991	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	12/06/2018 10/10/2022	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	12/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	12/1/2022	
210	MN Lưu Ký	2	Phạm Thị Thu Hằng	5/6/1993	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	26/06/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	10/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
211	MN Minh Đức	1	Nguyễn Thị Thuý	3/23/1977	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	20/6/1998 28/10/2020	26/08/2016 (HQĐĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	12+ VK 6%	4.30	3/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	9	4.58	0.28	Từ ngày ký quyết định	
212	MN Minh Đức	2	Đàm Thị Phương	9/27/1987	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	26/06/2015 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	6/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	6/1/2024	
213	MN Minh Đức	3	Hoàng Thị Thảo	5/6/1981	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	26/06/2015 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	8/1/2023	
214	MN Minh Đức	4	Lê Thị Hồng	7/9/1990	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	25/02/2014 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	9/1/2023	
215	MN Minh Đức	5	Nguyễn Thị Thu Hà	5/18/1981	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	19/04/2017 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
216	MN Minh Đức	6	Nguyễn Thị Vân	12/13/1986	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	03/06/2016 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
217	MN Minh Đức	7	Lê Thị Thu Trang	1/8/1991	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	01/08/2011 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	8/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
218	MN Minh Tân	1	Vũ Thị Xanh	1/23/1971	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	06/06/2012 28/10/2020	26/08/2016 (HQĐĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	7	3.06	6/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.28	Từ ngày ký quyết định	
219	MN Minh Tân	2	Đào Thị Kim Chuyên	3/9/1996	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	03/06/2016 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
220	MN Minh Tân	3	Vũ Thị Thuý	6/29/1994	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	09/02/2015 16/07/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	11/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
221	MN Minh Tân	4	Bùi Thị Hạnh	1/30/1992	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	30/09/2016 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	10/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI						Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức năng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số	Mức năng lương lần sau	
222	MN Minh Tân	5	Vũ Thị Huệ	5/20/1994	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	26/06/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	7/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	7/1/2023	
223	MN Minh Tân	6	Đinh Thị Minh Hải	1/2/1987	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	10/12/2015 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
224	MN Minh Tân	7	Đào Thị Phương Thảo	5/8/1994	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	26/06/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	7/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
225	MN Mỹ Đồng	1	Nguyễn Thị Mai	4/1/1989	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	15/06/2010 25/07/2016	26/08/2016 (HQĐĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	7	3.06	11/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.28	Từ ngày ký quyết định	
226	MN Mỹ Đồng	2	Nguyễn Thị Nhan	7/10/1989	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	15/06/2010 25/07/2016	26/08/2016 (HQĐĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	7	3.06	11/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.28	Từ ngày ký quyết định	
227	MN Mỹ Đồng	3	Nguyễn Thu Dung	9/19/1987	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	25/04/2014 10/10/2022	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	7/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	7/1/2022	
228	MN Mỹ Đồng	4	Nguyễn Thị Anh Vân	3/19/1989	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	12/06/2018 10/10/2022	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	12/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	12/1/2022	
229	MN Mỹ Đồng	5	Lương Thị Thủy	5/7/1986	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	03/06/2016 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
230	MN Mỹ Đồng	6	Lê Thị Hương	11/13/1993	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	25/03/2014 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	12/1/2023	
231	MN Mỹ Đồng	7	Nguyễn Thị Huyền	7/1/1993	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	23/07/2013 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	6/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	6/1/2024	
232	MN Mỹ Đồng	8	Nguyễn Thị Thu Hiền	9/15/1989	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	03/06/2016 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
233	MN Ngũ Lão	1	Đinh Thị Hiền	5/5/1980	Giáo viên	TCSPMN-ĐHSP MN	30/08/2007 30/12/2014	26/08/2016 (HQĐĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	9	3.46	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3.65	0.19	12/1/2023	

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức năng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức năng lương lần sau
234	MN Ngũ Lão	2	Nguyễn Thị Lan	10/7/1987	Giáo viên	TCSPMN-ĐHSP MN	01/08/2011 25/07/2016	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	7	3.06	11/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.28	Từ ngày ký quyết định	
235	MN Ngũ Lão	3	Vũ Thị Hải	4/16/1991	Giáo viên	TCSPMN-ĐHSP MN	01/08/2011 25/07/2016	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	7	3.06	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.28	Từ ngày ký quyết định	
236	MN Ngũ Lão	4	Lê Thị Mai	12/29/1981	Giáo viên	TCSPMN-ĐHSP MN	16/06/2001 09/01/2018	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	9	3.46	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3.65	0.19	6/1/2023	
237	MN Ngũ Lão	4	Vũ Thị Thanh Nga	8/22/1986	Giáo viên	TCSPMN-ĐHSP MN	26/06/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	4/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	4/1/2024	
238	MN Ngũ Lão	5	Đàm Thị Định	6/26/1983	Giáo viên	TCSPMN-ĐHSP MN	03/06/2016 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	6/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	6/1/2024	
239	MN Ngũ Lão	6	Đoàn Thị Trang	3/27/1994	Giáo viên	TCSPMN-ĐHSP MN	09/02/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	12/1/2023	
240	MN Ngũ Lão	7	Vũ Lệ Quyền	11/7/1994	Giáo viên	TCSPMN-ĐHSP MN	09/02/2015 05/09/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
241	MN Ngũ Lão	9	Đặng Thị Thảo	6/28/1996	Giáo viên	TCSPMN-ĐHSP MN	21/04/2017 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
242	MN Ngũ Lão	10	Bùi Thị Tinh	2/4/1990	Giáo viên	TCSPMN-ĐHSP MN	17/12/2015 25/07/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
243	MN Ngũ Lão	11	Lại Thị Thuý	9/12/1993	Giáo viên	TCSPMN-ĐHSP MN	25/04/2014 15/11/2023	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2,66	7/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	#####	7/1/2023	
244	MN Ngũ Lão	12	Trần Thị Thu	10/27/1995	Giáo viên	TCSPMN-ĐHSP MN	26/06/2015 15/11/2023	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2,46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2,72	#####	Từ ngày ký quyết định	
245	MN Phả Lễ	1	Đình Thị Huệ	10/25/1989	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	07/01/2019 ; 20/10/2014	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	5/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	5/1/2023	
246	MN Phả Lễ	2	Phạm Thị Huyền	12/11/1988	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	07/01/2019 ; 20/10/2014	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	7/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	7/1/2023	

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức năng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức năng lương lần sau
247	MN Phà Lễ	3	Đinh Thị Nguyệt	2/8/1988	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	07/01/2019 ; 20/10/2014	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	7/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	7/1/2023	
248	MN Phà Lễ	4	Đinh Thị Hồng Huệ	3/30/1988	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	07/01/2019 ; 20/10/2014	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	7/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	7/1/2023	
249	MN Phà Lễ	5	Đinh Thị Yến	11/27/1992	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	07/01/2019 ; 20/10/2014	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	1/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	1/1/2024	
250	MN Phà Lễ	6	Đinh Thị Lai	9/13/1976	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	07/01/2019 ; 26/06/2015	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
251	MN Phà Lễ	7	Phạm Thị Hồng	9/19/1991	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	07/01/2019 10/09/2013	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	1/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	1/1/2024	
252	MN Phà Lễ	8	Đàm Thị Liên	11/26/1989	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	07/01/2019 09/02/2015	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	5/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	5/1/2023	
253	MN Phà Lễ	9	Phạm Thị Thắm	1/13/1987	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	10/10/2022 20/10/2014	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	11/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	11/1/2022	
254	MN Phà Lễ	10	Nguyễn Thị Hương	4/22/1993	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	26/06/2017 15/06/2013	5/10/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	6/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	6/1/2024	
255	MN Phù Ninh	1	Nguyễn Thị Hân	12/31/1987	Giáo viên	TCSP mầm non ĐHSP mầm non	03/06/2016 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	11/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
256	MN Phù Ninh	2	Trần Thị Nhân	11/14/1986	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	26/06/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	7/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	7/1/2023	
257	MN Phù Ninh	3	Trần Thị Loan	4/14/1985	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	03/06/2016 07/01/2019	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	7/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
258	MN Phù Ninh	4	Đặng Thị Liên	2/28/1986	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	15/05/2018 10/10/2022	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	8/1/2023	
259	MN Phù Ninh	5	Nguyễn Thị Hương	5/24/1997	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	12/06/2017 28/10/2020	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
260	MN Phù Ninh	6	Mạc Thị Xuân	5/20/1990	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	03/06/2016 10/10/2022	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức năng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số	
261	MN Phù Ninh	7	Đỗ Thị Thùy	8/11/1995	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	26/06/2015 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
262	MN Phục Lễ	1	Chu Thị Hằng	7/19/1993	Giáo viên	TC,ĐHSP Mầm non	03/06/2016 10/10/2022	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	6/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	6/1/2024
263	MN Phục Lễ	2	Nguyễn Thị Yến	4/9/1994	Giáo viên	TC,ĐHSP Mầm non	26/06/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	11/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	11/1/2023
264	MN Phục Lễ	3	Nguyễn Thị Khuyên	9/23/1982	Giáo viên	TC,ĐHSP Mầm non	26/06/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	10/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	10/1/2023
265	MN Phục Lễ	4	Phạm Thị Hậu	2/18/1994	Giáo viên	TC,ĐHSP Mầm non	10/10/2014 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	4/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	4/1/2024
266	MN Phục Lễ	5	Phạm Thu Hiền	4/24/1994	Giáo viên	TC,ĐHSP Mầm non	09/02/2015 28/10/2020	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	8/1/2023
267	MN Phục Lễ	6	Chu Thị Minh	4/8/1991	Giáo viên	TC,ĐHSP Mầm non	03/06/2016 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	12/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
268	MN Quảng Thanh	1	Đoàn Thị Kim Anh	6/19/1984	Giáo viên	ĐH SPMN TC SPMN	10/10/2022 10/09/2013	26/08/2016 (HĐQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	9/1/2023
269	MN Quảng Thanh	2	Bùi Thị Anh	12/6/1989	Giáo viên	ĐH SPMN TC SPMN	09/01/2018 03/04/2015	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
270	MN Quảng Thanh	3	Nguyễn Thị Lan	10/23/1988	Giáo viên	ĐH SPMN TC SPMN	29/12/2017 01/08/2011	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	1/1/2023
271	MN Quảng Thanh	5	Vũ Thị Lan	7/2/1988	Giáo viên	ĐH SPMN TC SPMN	10/10/2022 15/05/2018	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	8/1/2023
272	MN Quảng Thanh	6	Nguyễn Thị Hà Nhi	8/20/1997	Giáo viên	ĐH SPMN TC SPMN	10/10/2022 13/08/2018	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	10/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	10/1/2023
273	MN Quảng Thanh	7	Nguyễn Thị Duyên	7/3/1987	Giáo viên	ĐH SPMN TC SPMN	25/07/2017 20/10/2014	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	5/1/2024

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG				CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI						Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức năng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số	
274	MN Quảng Thanh	8	Bùi Thị Thanh Hào	2/25/1993	Giáo viên	ĐH SPMN TC SPMN	10/10/2022 12/06/2017	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
275	MN Quảng Thanh	9	Trần Thị Bích	5/25/1994	Giáo viên	ĐH SPMN TC SPMN	10/10/2022 03/06/2016	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
276	MN Sao Mai	1	Nguyễn Thị Ngọc	7/29/1991	Giáo viên	TCSPMN ĐHGDMN	03/06/2016 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	12/1/2023
277	MN Sao Mai	2	Hà Thị Hòa	3/19/1994	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	20/07/2015 29/8/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
278	MN Sao Mai	3	Nguyễn Thị Hà	1/24/1997	Giáo viên	TC GDMN ĐH GDMN	12/06/2017 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
279	MN Sao Mai	4	Đồng Thị Nga	10/12/1987	Giáo viên	TC GDMN ĐH GDMN	20/06/2016 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	8/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
280	MN Tam Hưng	1	Lại Thị Hồng Chuyên	8/14/1990	Giáo viên	TC, ĐH SP Mầm non	01/08/2011 09/03/2017	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	7	3.06	1/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.28	Từ ngày ký quyết định
281	MN Tam Hưng	2	Lại Thị Oanh	1/2/1984	Giáo viên	TC, ĐH SP Mầm non	10/09/2013 28/10/2020	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	9/1/2023
282	MN Tam Hưng	3	Đỗ Thị Thu Trang	9/26/1990	Giáo viên	TC, ĐH SP Mầm non	01/08/2011 09/01/2018	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	7/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	7/1/2022
283	MN Tam Hưng	4	Vũ Thị Chính	8/30/1989	Giáo viên	TC, ĐH SP Mầm non	01/08/2011 09/03/2017	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	7	3.06	11/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.28	Từ ngày ký quyết định
284	MN Tam Hưng	5	Lưu Thị Hương	10/10/1989	Giáo viên	TC, ĐH SP Mầm non	25/04/2014 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	5/1/2024
285	MN Tam Hưng	6	Hoàng Thị Phương	5/9/1990	Giáo viên	TC, ĐH SP Mầm non	26/06/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	7/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG				CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI						Ghi chú	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức năng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức năng lương lần sau
286	MN Tam Hưng	7	Phạm Thị Anh Thu	8/2/1990	Giáo viên	TC, ĐH SP Mầm non	25/04/2014 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	11/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	11/1/2023	
287	MN Tam Hưng	8	Bùi Thị Tâm	2/19/1990	Giáo viên	TC, ĐH SP Mầm non	20/10/2014 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	11/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	11/1/2023	
288	MN Tam Hưng	9	Ngô Thị Phượng	12/21/1990	Giáo viên	TC, ĐH SP Mầm non	20/06/2016 25/02/2020	9/11/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	3/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
289	MN Tam Hưng	10	Nguyễn Thị Hiến	9/8/1989	Giáo viên	TC, ĐH SP Mầm non	19/05/2014 25/07/2017	9/11/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	9/1/2023	
290	MN Tam Hưng	11	Lại Thị Quỳnh Châu	12/12/1994	Giáo viên	TC, ĐH SP Mầm non	26/06/2015 12/04/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	7/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
291	MN Tân Dương	1	Nguyễn Thị Duyên	1/4/1975	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	20/07/2005 10/10/2022	26/08/2016 (HQĐĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	10	3.66	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3.96	0.30	Từ ngày ký quyết định	
292	MN Tân Dương	2	Bùi Thị Nga	2/22/1989	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	20/10/2014 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	9/1/2023	
293	MN Tân Dương	3	Phạm Thị Hồng Hạnh	5/9/1984	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	30/08/2007 10/10/2022	26/08/2016 (HQĐĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	9	3.46	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3.65	0.19	9/1/2023	
294	MN Tân Dương	4	Trần Thị Thịnh	5/3/1984	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	26/06/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	1/1/2023	
295	MN Tân Dương	5	Nguyễn Thị Kim Oanh	2/26/1982	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	19/06/2015 10/10/2022	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	11/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	11/1/2022	
296	MN Tân Dương	6	Nguyễn Thị Quỳnh	4/16/1982	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	20/10/2014 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	11/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	11/1/2023	
297	MN Tân Dương	7	Bùi Thị Thu Hương	8/13/1993	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	03/06/2016 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	4/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	4/1/2024	
298	MN Tân Dương	8	Chu Thị Cúc	6/3/1986	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	03/06/2016 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	9/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG				CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú		
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức năng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới		Chênh lệch hệ số	Mức năng lương lần sau
299	MN Tân Dương	9	Nguyễn Thị Đức Nhân	6/7/1990	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	20/10/2014 10/10/2022	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	6/1/2023	
300	MN Tân Dương	10	Phạm Khánh Ly	3/15/1994	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	09/02/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
301	MN Tân Dương	11	Đặng Thị Thu huyền	11/1/1985	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	12/06/2018 10/10/2022	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	8/1/2023	
302	MN Tân Dương	12	Vũ Thị Thu	5/29/1995	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	03/06/2016 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
303	MN Tân Dương	13	Vũ Thị Trang	7/31/1995	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	03/09/2015 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
304	MN Tân Dương	14	Nguyễn Thị Nga	6/13/1995	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	02/02/2018 28/10/2020	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	8/1/2023	
305	MN Thiên Hương	1	Nguyễn Thị Thảo	2/26/1970	Giáo viên	TCSPMN ĐH SP MN	04/10/1991 10/10/2022	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	12+ VK 8%	4.38	7/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	9	4.58	0.20	Từ ngày ký quyết định	
306	MN Thiên Hương	2	Nguyễn Thị Huyền	24/12//1992	Giáo viên	TCSPMN ĐH SP MN	21/11/2016 10/10/2022	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
307	MN Thiên Hương	3	Lê Thị Hòa	2/20/1988	Giáo viên	TCSPMN ĐH SP MN	09/02/2015 10/10/2022	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	5/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	5/1/2023	
308	MN Thiên Hương	4	Ngô Thị Mến	2/3/1988	Giáo viên	TCSPMN ĐH SP MN	26/06/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
309	MN Thiên Hương	5	Hoàng Thị Nhung	10/16/1988	Giáo viên	TCSPMN ĐH SP MN	15/05/2018 10/10/2022	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	8/1/2023	
310	MN Thủy Đường	1	Hoàng Thị Hoa Sen	10/17/1990	Giáo viên	ĐH SPMN TC SPMN	28/10/2020 03/06/2016	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
311	MN Thủy Đường	2	Nguyễn Thị Kim Hương	7/23/1995	Giáo viên	ĐH SPMN TC SPMN	07/01/2019 26/6/2015	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức năng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức năng lương lần sau
312	MN Thủy Đường	3	Nguyễn Thúy Hằng	5/4/1992	Giáo viên	ĐH SPMN TC SPMN	07/01/2019 20/10/2014	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	7/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	7/1/2023	
313	MN Thủy Đường	4	Phạm Thị Dung	4/9/1993	Giáo viên	ĐH SPMN TC SPMN	10/10/2022 25/03/2016	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	10/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
314	MN Thủy Đường	5	Đoàn Thị Chinh	6/11/1992	Giáo viên	ĐH SPMN TC SPMN	07/01/2019 29/3/2013	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6	2.86	10/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.17	10/1/2023	
315	MN Thủy Đường	6	Phạm Thị Thu	9/24/1997	Giáo viên	ĐH SPMN TC SPMN	28/10/2020 12/06/2017	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
316	MN Thủy Đường	7	Dương Thị Hương	10/15/1990	Giáo viên	ĐH SPMN TC SPMN	07/01/2019 3/6/2016	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	1/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	1/1/2024	
317	MN Thủy Đường	8	Nguyễn Thị Thủy	5/13/1985	Giáo viên	ĐH SPMN TC SPMN	25/07/2017 20/10/2014	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	1/1/2023	
318	MN Thủy Đường	9	Trương Thị Nga	12/17/1989	Giáo viên	ĐH SPMN TC SPMN	25/7/2017 20/10/2014	6/27/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	11/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	11/1/2022	
319	MN Thủy Đường	10	Nguyễn Thị Ngọc	2/25/1991	Giáo viên	ĐH SPMN TC SPMN	15/11/2023 01/08/2011	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	7	3.06	2/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.28	Từ ngày ký quyết định	
320	MN Thủy Đường	11	Bùi Thị Hương	5/21/1993	Giáo viên	ĐH SPMN TC SPMN	15/11/2023 26/06/2015	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	7/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
321	MN Thủy Đường	12	Đông Thị Phượng	2/23/1993	Giáo viên	ĐH SPMN TC SPMN	15/11/2023 21/11/2016	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
322	MN Thủy Đường	13	Hoàng Thị Khánh Linh	3/23/1992	Giáo viên	ĐH SPMN TC SPMN	15/11/2023 20/10/2014	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	2/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	2/1/2024	
323	MN Thủy Sơn	1	Nguyễn Minh Hương	2/2/1992	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	20/10/2014 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	3/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	3/1/2023	
324	MN Thủy Sơn	2	Nguyễn Thị Nga	11/28/1985	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	09/02/2015 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	10/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	10/1/2022	

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức năng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số	
325	MN Thủy Sơn	3	Lê Thị Thủy Linh	8/4/1996	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	03/06/2016 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	7/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
326	MN Thủy Sơn	4	Lê Thị Liên	7/9/1994	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	26/06/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
327	MN Thủy Sơn	5	Lê Thị Hương	11/12/1986	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	25/04/2014 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
328	MN Thủy Sơn	6	Đào Thị Kim Dung	2/6/1995	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	26/06/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	3/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	3/1/2024
329	MN Thủy Sơn	7	Vũ Thị Phương Thu	3/15/1996	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	12/06/2017 28/10/2020	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
330	MN Thủy Sơn	8	Đinh Thị Hà	12/16/1985	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	20/04/2016 28/10/2020	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	8/1/2023
331	MN Thủy Sơn	9	Chu Thị Thủy Dương	8/12/1992	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	25/05/2015 07/01/2019	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	8/1/2023
332	MN Thủy Sơn	10	Nguyễn Thị Yến	8/24/1991	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	30/06/2016 15/11/2023	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
333	MN Thủy Triều	1	Trần Thị Hằng	7/15/1985	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	25/07/2016 09/05/2012	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	7	3.06	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.28	Từ ngày ký quyết định
334	MN Thủy Triều	2	Lê Thị Hương Lý	1/10/1986	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	09/01/2018 20/10/2014	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
335	MN Thủy Triều	3	Nguyễn Thị Phương	8/24/1993	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	10/10/2022 20/10/2014	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	11/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	11/1/2022
336	MN Thủy Triều	4	Nguyễn Thị Nga	5/21/1995	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	09/01/2018 20/07/2015	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định
337	MN Thủy Triều	5	Nguyễn Thị Thủy	3/25/1988	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	10/10/2022 26/06/2015	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức năng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức năng lương lần sau
338	MN Thủy Triều	6	Lê Thị Thứ	10/27/1993	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	10/10/2022 15/05/2018	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	1/1/2023	
339	MN Thủy Triều	7	Bàn Thị Mỹ	11/6/1994	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	10/10/2022 28/07/2016	1/30/2019	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3	2.26	8/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2	2.41	0.15	8/1/2023	
340	MN Thủy Triều	8	Trần Thị Trang	2/26/1987	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	28/04/2017 10/12/2015	9/11/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	3/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
341	MN Trung Hà	1	Bùi Thị Tuyền	10/1/1982	Giáo viên	TC SPMN ĐH S MN	20/04/2009 25/07/2016	26/08/2016 (HQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng IV	V.07.02.06	8	3.26	5/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.08	5/1/2023	
342	MN Trung Hà	2	Phùng Thu Nguyệt	12/16/1988	Giáo viên	TC SPMN ĐH S MN	20/10/2014 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	11/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	11/1/2022	
343	MN Trung Hà	3	Vũ Hoài Vân	1/9/1986	Giáo viên	TC SPMN ĐH S MN	12/06/2017 28/10/2020	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	5/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
344	MN Trung Hà	4	Trần Thị Mến	3/26/1986	Giáo viên	TC SPMN ĐH S MN	29/03/2013 07/01/2019	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	7	3.06	4/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.28	Từ ngày ký quyết định	
345	MN Trung Hà	5	Bùi Thị Thảo	1/12/1990	Giáo viên	TC SPMN ĐH S MN	26/06/2015 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5	2.66	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.06	12/1/2023	
346	MN Trung Hà	6	Nguyễn Thị Thu Thủy	5/23/1983	Giáo viên	TC SPMN ĐH S MN	03/06/2016 09/01/2018	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	8/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	
347	MN Trung Hà	7	Phạm Thị Thắm	11/10/1988	Giáo viên	TC SPMN ĐH S MN	10/11/2016 10/10/2022	11/24/2017	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4	2.46	4/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3	2.72	0.26	Từ ngày ký quyết định	

**Tổng: 347 người.**